

1 Cơ sở lý luận hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh: Tinh hoa văn hóa phương Đông, tinh hoa văn hóa phương Tây.

1.1 Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Đông trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, từ đó rút ra giá trị của tinh hoa ấy trong giai đoạn hiện nay?

1.1.1 Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Đông trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu một cách chọn lọc những tư tưởng văn hóa tiến bộ của Phương Đông, có thể kể tới như Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, hay một số tư tưởng tiến bộ như chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Cụ thể:

Nho giáo: Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển những mặt tích cực của Nho giáo như: tư tưởng nhân trị và đức trị để quản lý xã hội. Kế thừa và phát triển quan niệm của Nho giáo về việc xây dựng một xã hội lý tưởng trong đó công bằng, bác ái, nhân, nghĩa, trí, dũng, tín, liêm được coi trọng để có thể đi đến một thế giới đại đồng với hòa bình, không có chiến tranh, các dân tộc có quan hệ hữu nghị và hợp tác. Đặc biệt, Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, đổi mới, phát tinh thần trong đạo đức của Nho giáo trong việc tu dưỡng rèn luyện đạo đức con người, trong công tác xây dựng Đảng về đạo đức. Tuy nhiên, Hồ Chí Minh cũng phê phán các mặt tiêu cực của Nho giáo như: bảo vệ chế độ phong kiến, phân chia đẳng cấp, trọng nam khinh nữ, coi trọng thi cử; suy nghĩ bảo thủ, một chiều; khinh thường công việc lao động chân tay, lao động xã hội, chỉ đề cao nghề đọc sách...

Người tiếp thu thông qua việc thường xuyên sử dụng các mệnh đề để đưa ra vấn đề về việc tu dưỡng đạo đức cá nhân (thể hiện xuyên suốt trong các tác phẩm “Đường Cách mệnh” (1927), “Sửa đổi lỗi lầm việc” (1947), “Cần, kiệm, liêm, chính” (1949) cho đến “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” (1969) và bản Di chúc của Người (1969)).

Phật giáo: Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng từ bi, vị tha, yêu thương con người, khuyến khích làm việc thiện, chống lại điều ác; đề cao quyền bình đẳng của con người và chân lý; khuyên con người sống hòa đồng, gắn bó với đất nước của Đạo Phật. Đồng thời phê phán thế giới quan duy tâm, tư tưởng an phận, bi quan yếm thế. Những quan điểm tích cực trong triết lý của Đạo Phật đã được Hồ Chí Minh vận dụng sáng tạo để đoàn kết đồng bào theo đạo Phật, đoàn kết toàn dân vì một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh.

Lão giáo: Hồ Chí Minh chú ý kế thừa, phát triển tư tưởng của Lão Tử, khuyên con người nên sống gắn bó với thiên nhiên, hòa đồng với thiên nhiên, hơn nữa phải biết bảo vệ môi trường sống. Người khuyên cán bộ, đảng viên ít lòng ham muốn về vật chất; thực hiện cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; hành động theo đạo lý với ý nghĩa là hành động đúng với quy luật tự nhiên, xã hội.

Chủ nghĩa Tam dân: Người tiếp tục tìm hiểu chủ nghĩa Tam Dân: “Dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc” của Tôn Trung Sơn và bước đầu nhận thấy trong đó nhiều tư tưởng tiến bộ, tích cực, phù hợp với xu thế thời đại và có thể vận dụng được vào cách mạng Việt Nam, đó là quan điểm về dân tộc, dân quyền và dân sinh.

Kết luận: Cách thức tiếp thu của Hồ Chí Minh: tiếp thu trên tinh thần biện chứng, có chọn lọc, không rập khuôn máy móc, vận dụng sáng tạo và phát triển vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Ưu điểm được Hồ Chí Minh tiếp thu, cương quyết loại bỏ nhược điểm ra khỏi tư tưởng của mình, đồng thời những điểm chưa phù hợp được HCM cải biến cho phù hợp. Có thể nêu ra một số phạm trù của Nho giáo được Hồ Chí Minh sử dụng như Nhân, Nghĩa, Trí, Dũng, Liêm, Trung, Hiếu, v.v... Việc Hồ Chí Minh cải tạo các phạm trù của Nho giáo thể hiện rõ nhất ở hai phạm trù Trung và Hiếu. Hồ Chí Minh viết: “Đạo đức, ngày trước thì chỉ trung với vua, hiếu với cha mẹ. Ngày nay, thời đại mới, đạo đức cũng phải mới. Phải trung với nước. Phải hiếu với toàn dân, với đồng bào”. Rõ ràng, ở Hồ Chí Minh, nếu chữ Trung mang một nội hàm hoàn toàn mới, từ Trung với vua trở thành Trung với nước, thì chữ Hiếu lại được mở rộng trên cơ sở phổ quát hoá đạo đức cá nhân, trong đó gốc của Hiếu với Dân phải là Hiếu với cha mẹ.

1.1.2 Giá trị tinh hoa văn hóa nhân loại đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay

Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng xác định: “Phát triển con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, con người Việt Nam phát triển toàn diện phải là con người có văn hóa, thấm nhuần bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho kho tàng ấy giàu có hơn, phong phú hơn, cũng là một cách để

khẳng định mình trong thế giới rộng lớn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hóa quốc tế hiện nay, khi mà nhân loại đang lo âu về sự đánh mất chính mình trong "thế giới phẳng" và nguy cơ đồng phục văn hóa, chúng ta càng thấy rõ hơn về việc ứng xử linh hoạt với các giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần bồi đắp những thiếu hụt cho mỗi bên và tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Hiện nay nhiều nguồn văn hóa đang du nhập vào nước ta khiến nhiều người dần thay đổi nhận thức và đánh mất đi những bản sắc, giá trị dân tộc. Hơn lúc nào hết, lúc này chúng ta, nhất là thế hệ trẻ "xung kích" để bảo vệ những giá trị truyền thống văn hóa, để đất nước chúng ta vẫn giữ nguyên được bản sắc, hòa nhập chứ không hòa tan. Để làm được điều đó, mỗi sinh viên chúng ta cần phải tự mình phấn đấu, rèn luyện, tự trau dồi cho bản thân những kỹ năng cần thiết, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nỗ lực rèn luyện vì lợi ích chung của cộng đồng và vì chính sự phát triển của bản thân. Quan trọng hơn, thế hệ trẻ cần xây dựng bản lĩnh văn hóa, sẵn sàng đấu tranh với những hoạt động, sản phẩm văn hóa không lành mạnh, chủ động, sáng tạo và linh hoạt trong việc tổ chức các hoạt động định hướng cho sinh viên tiếp thu những mặt tích cực, tiên tiến của văn hóa hiện đại.

1.2 Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Tây trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh, Từ đó, liên hệ với việc tiếp thu giá trị văn hóa phương Tây trong giai đoạn hiện nay.

1.2.1 Phân tích tinh hoa văn hóa Phương Tây trong việc hình thành Tư tưởng Hồ Chí Minh

Ngay từ khi còn học ở Trường tiểu học Pháp-bản xứ ở thành phố Vinh (1905), Hồ Chí Minh đã quan tâm tới khẩu hiệu nổi tiếng của Đại Cách mạng Pháp năm 1789: Tự do - Bình đẳng - Bác ái. Đi sang phương Tây, Người quan tâm tìm hiểu những khẩu hiệu nổi tiếng đó trong các cuộc cách mạng tư sản ở Anh, Pháp, Mỹ. Người đã kế thừa, phát triển những quan điểm nhân quyền, dân quyền trong Bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ, Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của Pháp và đề xuất quan điểm về quyền mưu cầu độc lập, tự do, hạnh phúc của các dân tộc trong thời đại ngày nay. Trước khi ra đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của văn hóa Pháp, chú ý đến lý tưởng Tự do - Bình đẳng - Bác ái của Cách mạng Pháp (1789), phát triển những quan điểm về dân chủ, quyền độc lập dân tộc trong bản Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776), về nhân quyền và dân quyền trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của nước Pháp (1791).

Trong thời gian Hồ Chí Minh sống và hoạt động ở phương Tây, Người trực tiếp nghiên cứu tư tưởng nhân văn, dân chủ và nhà nước pháp quyền của các nhà khai sáng phương Tây như Vôn-te, Rút-xô, Mông-tét-xki-ơ, tìm hiểu chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, Trung Quốc; v.v.; thích đọc sách văn học của Shakespeare bằng tiếng Anh, Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Hoa, Hugo, Zola bằng tiếng Pháp; hai nhà văn Anatole France và Léon Tolstoi “có thể nói là những người đỡ đầu văn học” cho Hồ Chí Minh. Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn tham gia các hoạt động chính trị, nghiên cứu lý luận, kinh tế, văn hóa, v.v., đồng thời tiếp thu tư tưởng của Thiên Chúa giáo trong quá trình hình thành tư tưởng của mình, tiêu biểu nhất là tinh thần bác ái, yêu thương con người. Cụ thể:

Tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái: Qua các tác phẩm của nhà khai sáng Pháp (Voltaire, Rousso, Montesquieu): tiếp thu tinh thần phê phán chế độ chuyên chế, độc tài và khắc họa được hình ảnh con người thiết tha yêu tự do, khát khao đời sống bình đẳng, bác ái. Đồng thời phê phán sự khác nhau giữa yếu tố tiến bộ, những hình ảnh, giá trị đẹp đẽ của tư tưởng và yếu tố thực tế, mang tính thời sự, tính lịch sử lúc bấy giờ. Những kẻ mệnh danh là người phát cao lá cờ “Tự do - Bình đẳng - Bác ái” lại đang làm trái ngược lý tưởng đó ở khắp nơi trên đất Đông Dương. Người tiếp thu tư tưởng, giá trị dân chủ tư sản qua thực tế cuộc sống, điều đó giúp Người có điều kiện hiểu rõ bản chất của bọn thực dân với cái gọi là “khai hóa thuộc địa”.

Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của Đại cách mạng tư sản Pháp năm 1791: Tiếp thu các quyền như là quyền cá nhân và quyền tập thể của tất cả các giai cấp là bình đẳng, không thể chuyển nhượng và bất khả xâm phạm với mọi mục đích. Người khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”. Việc đề cao tư tưởng nhân quyền và dân quyền như trên chính là để khẳng định: mục tiêu của Cách mạng Việt Nam hoàn toàn phù hợp với khuôn khổ pháp lý quốc tế, với “lẽ phải” thông thường và là điều “không ai có thể chối cãi được”. Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ (1776): tiếp thu các giá trị về quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc; sự bình đẳng.

Tư tưởng Thiên chúa giáo: Tiếp thu lòng nhân ái và đức hy sinh. Hồ Chí Minh đã kế thừa, đề cao những mặt tốt, vận dụng sáng tạo những mặt tốt ấy để làm phong phú thêm tư tưởng của Người về đại đoàn kết, cả đoàn kết toàn dân trong quốc gia dân tộc và đoàn kết quốc tế. Đề cao, động viên đồng bào Thiên chúa giáo tham gia khối để tăng thêm lực lượng cho cách mạng; Vạch mặt bọn thực dân, đế quốc xâm lược lợi dụng tôn giáo, giả danh Chúa vào mục đích, âm mưu “chia để trị”: gây thù hằn giữa cộng sản với tôn giáo; gây thù hằn giữa đồng bào lương với đồng bào giáo; thù hằn dân tộc này với dân tộc khác... để phục vụ cho mục tiêu xâm lược và chống cộng sản của chúng. Đạo thiên chúa nói riêng và tôn giáo nói chung cùng đồng hành với dân tộc, với cách mạng nước ta.

1.2.2 Giá trị của việc tiếp thu văn hóa Phương Tây trong giai đoạn hiện nay:

Quan điểm của Đảng ta: Trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030, Đảng xác định: "Phát triển con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc". Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế hiện nay, con người Việt Nam phát triển toàn diện phải là con người có văn hóa, thấm nhuần bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, có năng lực tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho kho tàng ấy giàu có hơn, phong phú hơn, cũng là một cách để khẳng định mình trong thế giới rộng lớn. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập hóa

quốc tế hiện nay, khi mà nhân loại đang lo âu về sự đánh mất chính mình trong "thế giới phẳng" và nguy cơ đồng phục văn hóa, chúng ta càng thấy rõ hơn về việc ứng xử linh hoạt với các giá trị của tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần bồi đắp những thiếu hụt cho mỗi bên và tạo nên sự đa dạng văn hóa.

Tiếp thu một cách chọn lọc những giá trị văn hóa phương Tây: Phong cách sống của người phương Tây thiên về sự tự do, tự khám phá giá trị sống; con người ưa sự xê dịch, tìm kiếm các trải nghiệm mới mẻ, họ thích sử dụng các mô hình lập luận, tranh biện, logic, thuật ngữ trong khi trò chuyện. Tuy nhiên, người phương Tây sống theo chủ nghĩa duy vật, đề cao danh tiếng và thành tựu, gắn tiền bạc với sự xa xỉ và giàu có, tôn sùng lợi nhuận. Họ hứng thú và thao tác với công nghệ nhanh hơn là giao tiếp trong đời thực, đồng thời có quan niệm về tình yêu, giá trị hôn nhân khác độc đáo, khác so với chúng ta. Khi đã nhận thức được những giá trị trong văn hóa phương Tây, cần có sự tiếp thu một cách chọn lọc, biết tận dụng những điều tốt, loại bỏ những điều chưa tốt, đồng thời kết hợp hài hòa với truyền thống văn hóa dân tộc ta.

Giá trị của việc tiếp thu văn hóa phương Tây: làm giàu vốn tri thức, kết hợp yếu tố truyền thống và yếu tố hiện đại, phù hợp với các giá trị truyền thống dân tộc, thích nghi với quá trình giao lưu, hội nhập văn hóa. Nhìn chung, trong quá trình toàn cầu hóa, văn hóa, tư duy, lối sống... của phương Tây cũng đem lại những lợi ích nhất định cho Việt Nam, như về các mặt kinh tế, thu nhập quốc dân, mức sống, tiện nghi vật chất ... nhưng mặt khác nó cũng đặt ra vấn đề cần giải quyết. Đó là đạo lý, giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc đang thật sự bị xâm hại. Trước nguy cơ có thật này, cần có ngay những giải pháp thích hợp để chỉnh đốn lại những nề nếp truyền thống, đồng thời tìm cách phát huy cái hay, cái đẹp, cái độc đáo của bản sắc Việt Nam trên đường hội nhập vào kho tàng văn hóa toàn cầu.

2 Quan điểm Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc.

2.1 Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc.

2.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc:

Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc: Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đến nay gắn liền với truyền thống yêu nước, đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Điều đó nói lên một khát khao to lớn của dân tộc ta là có được một nền độc lập cho dân tộc, tự do cho nhân dân và đó cũng là một giá trị tinh thần thiêng liêng, bất hủ của dân tộc mà Hồ Chí Minh là hiện thân cho tinh thần ấy. Người nói rằng, cái mà tôi cần nhất trên đời là đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập.

Tại Hội Nghị ở Vécxây (Pháp) năm 1919, Hồ Chí Minh đã gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam, với hai nội dung chính là đòi quyền bình đẳng về mặt pháp lý và đòi các quyền tự do, dân chủ. Tuy nhiên bản yêu sách không được Hội nghị chấp nhận nhưng qua đó cho thấy lần đầu tiên, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền của các dân tộc thuộc địa mà trước hết là quyền bình đẳng và tự do đã hình thành.

Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh cũng đã xác định mục tiêu chính trị của Đảng là đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến và làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, trong Tuyên ngôn Độc lập, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới rằng: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy.”

Ý chí và quyết tâm trên còn được thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược Việt Nam lần thứ hai, trong Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946, Người ra lời hiệu triệu, thể hiện quyết tâm sắt đá, bảo vệ cho bằng được nền độc lập dân tộc - giá trị thiêng liêng mà nhân dân Việt Nam mới giành được: “Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Năm 1965, đế quốc Mỹ tăng cường mở rộng chiến tranh ở Việt Nam. Trong hoàn cảnh khó khăn, chiến tranh ác liệt đó, Hồ Chí Minh đã nêu lên một chân lý thời đại, một tuyên ngôn bất hủ của các dân tộc khao khát nền độc lập, tự do trên thế giới “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Với tư tưởng trên của Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, buộc chúng phải ký kết Hiệp định Paris, cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta.

Độc lập dân tộc phải gắn liền tự do, cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân: Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải gắn với tự do của nhân dân. Người đánh giá cao học thuyết “Tam dân” của Tôn Trung Sơn về độc lập và tự do: dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Và bằng lý lẽ đầy thuyết phục, trong khi viện dẫn bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791, Hồ Chí Minh khẳng định dân tộc Việt Nam đương nhiên cũng phải được tự do và bình đẳng về quyền lợi: “Đó là lẽ phải không ai chối cãi được”. Người nói: “Nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì”. Ngoài ra, độc lập cũng phải gắn với cơm no, áo ấm và hạnh phúc của nhân dân. Ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 trong hoàn cảnh nhân dân đói rét, mù chữ. . . , Hồ Chí Minh yêu cầu phải cố gắng để cho nhân dân ai cũng có cái ăn cái mặc, ai cũng có chỗ ở và được học hành.

Có thể thấy rằng, trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh, Người luôn coi độc lập gắn liền với tự do, cơm no, áo ấm cho nhân dân, như Người từng bộc bạch đầy tâm huyết: “Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để: Trong quá trình đi xâm lược các nước, bọn thực dân đế quốc hay dùng chiêu bài mị dân, thành lập các chính phủ bù nhìn bản xứ, tuyên truyền cái gọi là “độc lập tự do” giả hiệu cho nhân dân các nước thuộc địa nhưng thực chất là nhằm che đậy bản chất “ăn cướp” và “giết người” của chúng.

Theo Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc phải là độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để trên tất cả các lĩnh vực. Người nhấn mạnh: độc lập mà người dân không có quyền tự quyết về ngoại giao, không có quân đội riêng, không

có nền tài chính riêng..., thì độc lập đó chẳng có ý nghĩa gì. Trên tinh thần đó và trong hoàn cảnh đất nước ta sau Cách mạng Tháng Tám còn gặp nhiều khó khăn, Người đã thay mặt Chính phủ ký với đại diện Chính phủ Pháp Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946, theo đó: “Chính phủ Pháp công nhận nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một quốc gia tự do có Chính phủ của mình, Nghị viện của mình, quân đội của mình, tài chính của mình”.

Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ: Trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc, dân tộc ta luôn đứng trước âm mưu chia cắt đất nước của kẻ thù. Thực dân Pháp khi xâm lược nước ta đã chia đất nước ta ra ba kỳ, mỗi kỳ có chế độ cai trị riêng. Trong hoàn cảnh đó, trong bức Thư gửi đồng bào Nam Bộ (1946), Hồ Chí Minh khẳng định: “Đồng bào Nam Bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi”. Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, đất nước Việt Nam tạm thời bị chia cắt làm hai miền, Hồ Chí Minh tiếp tục kiên trì đấu tranh để thống nhất Tổ quốc. Trong Di chúc, Người cũng đã thể hiện niềm tin tuyệt đối vào sự thắng lợi của cách mạng, vào sự thống nhất nước nhà: “Đế quốc Mỹ nhất định phải rút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bộ nhất định sẽ sum họp một nhà”. Có thể khẳng định rằng tư tưởng độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất Tổ quốc, toàn vẹn lãnh thổ là tư tưởng xuyên suốt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2.1.2 Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc

Nhận thức về độc lập dân tộc: Hiểu rõ hơn về tư tưởng độc lập dân tộc và vai trò của Hồ Chí Minh trong việc đưa đất nước Việt Nam đến với độc lập tự do. Bên cạnh đó, theo tư tưởng của Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc là quyền của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc, là một giá trị cốt lõi của con người, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự phát triển và tiến bộ của xã hội. Chính vì thế mà sinh viên cần đưa ra những quan điểm chính xác về độc lập dân tộc, sinh viên cần phải nắm vững các nguyên tắc và giá trị của độc lập dân tộc, bao gồm cả tôn trọng và bảo vệ quyền tự quyết của mỗi quốc gia và mỗi dân tộc sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Sinh viên cần đặt sự tôn trọng và bảo vệ quyền con người lên hàng đầu, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng cho tất cả các thành viên trong cộng đồng dân tộc. Đồng thời sinh viên cần phải luôn tìm cách đối thoại và hợp tác với các quốc gia và dân tộc khác trong khu vực và trên thế giới để xây dựng một thế giới hòa bình chính trị ổn định và phát triển bền vững.

Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ độc lập dân tộc thể hiện như thế nào Sinh viên cần có tri thức hiểu biết về những vấn đề có liên quan đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, bao gồm hiểu biết về đất nước và con người các dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, hiểu biết về lịch sử truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc, hiểu biết về Đảng Cộng sản, về nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân do dân và vì dân về chế độ xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang xây dựng.

Sinh viên cần phải cảnh giác tích cực trong đấu tranh với những hành động sai trái, không để các thế lực thù địch, các phần tử chống đối lợi dụng mình để thực hiện diễn biến hòa bình, phát hiện những tổ chức người có hành vi tuyên truyền lôi kéo sinh viên tham gia các hoạt động trái quy định của Pháp luật, nhằm chống lại Đảng Nhà nước để bảo báo cho lãnh đạo của trường chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật biết.

Sinh viên cần tích cực tự giác tham gia các hoạt động cụ thể để bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự và an toàn xã hội, tham gia xây dựng nếp sống văn minh trật tự ngay trong trường học ký túc xá và khu vực dân cư mà mình sinh sống, bảo vệ môi trường, giúp đỡ các cơ quan chuyên trách trong bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tăng cường rèn luyện thể lực, học tập tốt môn học giáo dục quốc phòng an ninh, góp phần chuẩn bị cho lực lượng sẵn sàng chiến đấu bảo vệ tổ quốc và giữ gìn trật tự an toàn xã hội

Sinh viên cần tích cực học tập để nâng cao hiểu biết về toàn vẹn lãnh thổ và tuyên truyền những điều đúng đắn cho mọi người xung quanh. Mỗi sinh viên phải nắm chắc đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.

3 Những vấn đề nguyên tắc trong hoạt động của Đảng: Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng tư tưởng.

3.1 Tại sao Đảng cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng theo Hồ Chí Minh

3.1.1 Đảng cộng sản Việt Nam phải lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng theo Hồ Chí Minh

Vì chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Nói về tầm quan trọng của lý luận, trong tác phẩm Đường Kách mệnh (1927), Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong Đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy. Đảng mà không có chủ nghĩa cũng như người không có trí khôn, tàu không có bàn chỉ nam. Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lenin."

Hồ Chí Minh luôn luôn nhấn mạnh phải trung thành với chủ nghĩa Mác-Lênin nhưng đồng thời phải biết sáng tạo, vận dụng cho phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh, từng lúc từng nơi, không được phép giáo điều.

Đối với cơ quan và tổ chức Đảng, Nhà nước, Hồ Chí Minh yêu cầu:

- Chủ nghĩa Mác - Lenin là kim chỉ nam cho hành động chứ không phải là kinh thánh. Phải nắm vững phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, phải căn cứ vào thực tiễn để xác định đúng quan điểm, đường lối chính sách, pháp luật; phải vận dụng sáng tạo, không máy móc, giáo điều, rập khuôn.
- Phải tìm các giải pháp, biện pháp thực hiện, phải có quyết tâm, "đường lối 1, biện pháp phải 10, quyết tâm phải 20".
- Phải tổng kết kinh nghiệm của Đảng mình, các Đảng anh em, tổng kết thực tiễn để rút ra những bài học thành công, chưa thành công.
- Phải tổ chức việc học tập, bồi dưỡng lý luận cho cán bộ, đảng viên phù hợp, đồng thời phải tuyên truyền vận động quần chúng thực hiện đường lối, chính sách.

Đối với cán bộ, đảng viên, Hồ Chí Minh yêu cầu:

- Học lý luận, hiểu lý luận là phải vận dụng vào thực tiễn, "học mà không hành là cái hòm đựng sách", "để lòe thiên hạ", để ra vẻ ta đây". Phải chống các biểu hiện kém lý luận, coi thường lý luận, lý luận suông, lý luận giáo điều.
- Phải tin tưởng nhất trí với quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước và quyết tâm thực hiện; phải bảo vệ quan điểm đường lối chính sách, giữ vững kỷ luật Đảng và kỷ luật cơ quan đoàn thể.
- Phải lấy hiệu quả công tác, hoàn thành nhiệm vụ làm thước đo sự hiểu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lenin; công việc bê trễ thì không thể nói là hiểu chủ nghĩa Mác - Lenin được.
- Phải coi việc thường xuyên học tập lý luận là nhiệm vụ và tiêu chuẩn đảng viên.
- Phải sống với nhau có tình có nghĩa.

3.1.2 Liên hệ vai trò của sinh viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Bản thân mỗi sinh viên, đặc biệt là sinh viên BKHN phải nhận thức rõ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Sinh viên cần xây dựng cơ sở khoa học cho nhận thức và niềm tin vững chắc vào con đường đi lên của chủ nghĩa xã hội. Nhiều sinh viên đã chủ động đấu tranh với những luận điệu xuyên tạc, thông tin xấu độc, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Trong bối cảnh quốc tế diễn biến phức tạp, tình hình trong nước nhiều khó khăn, các thế lực thù địch để tuyên truyền những quan điểm sai trái đã sử dụng rất nhiều thủ đoạn, phương thức khác nhau, ngày càng tinh vi, nguy hiểm hơn, có tác động đến các tầng lớp trong đó thanh niên là đối tượng chủ yếu bị tấn công. Thực tiễn cho thấy, không ít thanh niên đã có những biểu hiện phai nhạt lý tưởng, xa rời mục tiêu. Hiện nay, sự bùng nổ của Internet và mạng xã hội tác động mạnh mẽ đến cuộc sống chúng ta, nó đặt ra nhiều vấn đề là những đạo lý, văn hoá, bản sắc dân tộc đang bị xâm hại. Do đó cần có giải pháp chính đốn đồng thời phát huy cái hay cái đẹp của dân tộc ta trên con đường hội nhập.

Để bảo đảm nền tảng tư tưởng của Đảng, mỗi sinh viên phải tích cực học tập, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức, có lối sống lành mạnh; đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, cảnh giác trước những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các đối tượng xấu. Trên "mặt trận" không gian mạng, mỗi thanh niên phải tận dụng sức trẻ, khả năng sáng tạo để tạo nên những sản phẩm thông tin về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng một cách đa dạng, mới mẻ, thu hút đông đảo công chúng. Phải kịp thời phát hiện,

cảnh báo cho cộng đồng về các trang cung cấp thông tin xấu, độc, giả mạo; các nguy cơ xâm hại đến nền tảng tư tưởng của Đảng, từ đó phối hợp các cơ quan chức năng xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

4 Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước: Nhà nước pháp quyền, Nhà nước dân chủ

4.1 Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền

Thứ nhất, nhà nước CHXHCN Việt Nam là nhà nước hiến pháp, hợp pháp. Nhà nước ta được nhân dân tổ chức thông qua tổng tuyển cử, được xây dựng và hoạt động theo các nguyên tắc của hiến pháp.

Hồ Chí Minh nêu ra và thực hiện điều này ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền thuộc về nhân dân. Sau khi giành chính quyền trong cả nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập tuyên bố với quốc dân đồng bào và thế giới về sự khai sinh của nước Việt Nam mới. Nhờ đó, chính phủ lâm thời do cuộc cách mạng của nhân dân ta lập ra có được địa vị hợp pháp.

Tiếp đó, trong phiên họp đầu tiên của chính phủ lâm thời (ngày 3-9-1945), Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ tổ chức sớm cuộc tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu để lập nên Quốc hội rồi từ đó lập ra Chính phủ và các cơ quan, bộ máy hợp hiến thể hiện quyền lực tối cao của nhân dân. Ngày 2-3-1946, Quốc hội khoá I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã họp phiên đầu tiên, lập ra các tổ chức, bộ máy và các chức vụ chính thức của nhà nước. Đây chính là Chính phủ có đầy đủ tư cách pháp lý để giải quyết một cách có hiệu quả những vấn đề đối nội và đối ngoại của nước ta.

Thứ hai, nhà nước ta là nhà nước thượng tôn pháp luật. Hồ Chí Minh luôn chú trọng vấn đề xây dựng nền tảng pháp lý cho Nhà nước Việt Nam mới. Người đã sớm thấy rõ tầm quan trọng của Hiến pháp và pháp luật trong đời sống chính trị - xã hội. Điều này thể hiện trong bản Yêu sách của nhân dân An Nam: đòi quyền bình đẳng về chế độ pháp lý cho người An Nam. Sau này, khi trở thành người đứng đầu Nhà nước Việt Nam mới, Người càng quan tâm sâu sắc hơn việc bảo đảm cho Nhà nước được tổ chức và vận hành phù hợp với pháp luật, đồng thời, căn cứ vào pháp luật để điều hành xã hội.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước quản lý xã hội bằng bộ máy nhà nước và nhiều biện pháp khác nhau, nhưng quan trọng nhất là quản lý bằng Hiến pháp và pháp luật nói chung. Muốn vậy, trước hết, cần làm tốt công tác lập pháp.

Cùng với công tác lập pháp, chủ tịch Hồ Chí Minh cũng rất chú trọng đưa pháp luật vào trong cuộc sống, đảm bảo cho pháp luật được thi hành và có cơ chế giám sát việc thi hành pháp luật. Người chỉ rõ sự cần thiết phải nâng cao trình độ hiểu biết và năng lực sử dụng pháp luật cho người dân, giáo dục ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật trong nhân dân. Người cho rằng công tác giáo dục pháp luật cho mọi người, đặc biệt là thế hệ trẻ trở nên cực kì quan trọng trong việc xây dựng một Nhà nước pháp quyền, đảm bảo mọi quyền và nghĩa vụ của công dân được thực thi trong cuộc sống.

Hồ Chí Minh luôn nêu cao tính nghiêm minh của pháp luật. Điều đó đòi hỏi pháp luật phải đúng và phải đủ; tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho mọi người dân; người thực thi pháp luật phải thật sự công tâm, nghiêm minh.

Người còn luôn luôn khuyến khích nhân dân phê bình, giám sát công việc của nhà nước, giám sát quá trình nhà nước thực thi pháp luật, đồng thời không ngừng nhắc nhở cán bộ các cấp, các ngành phải gương mẫu trong việc thực thi pháp luật, trước hết là các cán bộ thuộc ngành hành pháp và tư pháp.

Thứ ba, nhà nước ta là nhà nước pháp quyền nhân nghĩa. Pháp quyền nhân nghĩa tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích hợp pháp của mọi người. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó có quyền cao nhất là quyền sống, đồng thời cũng đề cập đến các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hoá, xã hội của con người. Hiến pháp của đất nước đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Tính nhân văn của hệ thống pháp luật thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người, ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng. Đặc biệt, hệ thống pháp luật đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hoá, thức tỉnh con người làm căn bản. Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

Liên hệ với việc xây dựng nhà nước XHCN Việt Nam hiện nay: Đại hội Đảng lần thứ XIII đã xác định: "Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của nhân dân, do nhân dân,

vì nhân dân Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị."

Cần đẩy mạnh việc hoàn thiện pháp luật gắn với tổ chức thi hành pháp luật nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước; bảo đảm pháp luật vừa là công cụ để Nhà nước quản lý xã hội, vừa là công cụ để nhân dân làm chủ, kiểm tra, giám sát quyền lực nhà nước. Quản lý nhà nước theo pháp luật, đồng thời coi trọng xây dựng nền tảng đạo đức xã hội.

Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân. Phải xác định rõ cơ chế phân công, phối hợp thực thi quyền lực nhà nước, nhất là cơ chế kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở kiểm soát quyền lực nhà nước là thống nhất; xác định rõ hơn quyền hạn và trách nhiệm của mỗi quyền.

Chú trọng công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức. Đẩy mạnh dân chủ hoá công tác cán bộ, quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của mỗi tổ chức, mỗi cấp trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức trong sáng, cố trình độ, năng lực chuyên môn phù hợp để thực thi đầy đủ trách nhiệm công vụ, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

4.2 Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước dân chủ

Bản chất giai cấp của nhà nước Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam là nhà nước dân chủ, nhưng tuyệt nhiên nó không phải là “Nhà nước toàn dân”, hiểu theo nghĩa là nhà nước phi giai cấp. Nhà nước ở đâu và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định. Nhà nước Việt Nam mới – Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, theo quan điểm của Hồ Chí Minh, là một nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân. Bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước Việt Nam thể hiện trên mấy phương diện:

Một là, Đảng Cộng sản Việt Nam giữ vị trí và vai trò cầm quyền. Lời nói đầu của bản Hiến pháp năm 1959 khẳng định: “Nhà nước của ta là Nhà nước dân chủ nhân dân, dựa trên nền tảng liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo”. Ngay trong quan điểm về nhà nước dân chủ, nhà nước do nhân dân là người chủ nắm chính quyền, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh nòng cốt của nhân dân là liên minh công - nông - trí, do giai cấp công nhân mà đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Đảng cầm quyền bằng phương thức thích hợp sau đây: (1) Bằng đường lối, quan điểm, chủ trương để Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chính sách, kế hoạch; (2) Bằng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên của mình trong bộ máy, cơ quan nhà nước; (3) Bằng công tác kiểm tra.

Hai là, bản chất giai cấp của Nhà nước Việt Nam thể hiện ở tính định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển đất nước. Đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là mục tiêu cách mạng nhất quán của Hồ Chí Minh. Việc giành lấy chính quyền, lập nên Nhà nước Việt Nam mới, chính là để giai cấp công nhân và nhân dân lao động có được một tổ chức mạnh mẽ nhằm thực hiện mục tiêu nói trên.

Ba là, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thể hiện ở nguyên tắc tổ chức và hoạt động của nó là nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồ Chí Minh rất chú ý đến cả hai mặt dân chủ và tập trung trong tổ chức và hoạt động của tất cả bộ máy, cơ quan nhà nước. Người nhấn mạnh đến sự cần thiết phải phát huy cao độ dân chủ, đồng thời cũng nhấn mạnh phải phát huy cao độ tập trung, Nhà nước phải tập trung thống nhất quyền lực để tất cả mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

Trong Nhà nước Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc. Hồ Chí Minh là người giải quyết rất thành công mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc với vấn đề giai cấp trong cách mạng Việt Nam. Trong tư tưởng của Người về Nhà nước mới ở Việt Nam, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước thống nhất với tính nhân dân và tính dân tộc, thể hiện cụ thể như sau:

Một là, Nhà nước Việt Nam ra đời là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ của rất nhiều thế hệ người Việt Nam, của toàn thể dân tộc. Từ giữa thế kỷ XIX, khi đất nước bị ngoại xâm, các tầng lớp nhân dân Việt Nam, hết thế hệ này đến thế hệ khác đã không quản hy sinh, xương máu chiến đấu cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, trở thành lực lượng lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, với chiến lược đại đoàn kết đúng đắn, sức mạnh của toàn dân tộc đã được tập hợp và phát huy cao độ, chiến thắng ngoại xâm, giành lại độc lập, tự do, lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á. Nhà nước Việt Nam mới, do vậy, không phải của riêng giai cấp, tầng lớp nào, mà là thuộc về nhân dân.

Hai là, Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời đã xác định rõ và luôn kiên trì, nhất quán mục tiêu vì quyền lợi của nhân dân, lấy quyền lợi của dân tộc làm nền tảng. Bản chất của vấn đề này là ở chỗ, Hồ Chí Minh khẳng định quyền lợi cơ bản của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích của nhân dân lao động và của toàn dân tộc. Nhà nước Việt Nam mới là người đại diện, bảo vệ, đấu tranh không chỉ cho lợi ích của giai cấp công nhân, mà còn của nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Ba là, trong thực tế, Nhà nước mới ở Việt Nam đã đảm đương nhiệm vụ mà toàn thể dân tộc giao phó là tổ chức nhân dân tiến hành các cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần tích cực vào sự phát triển tiến bộ của thế giới. Con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội và đi đến chủ nghĩa cộng sản là con đường mà Hồ Chí Minh và Đảng ta đã xác định, cũng là sự nghiệp của chính Nhà nước.

Nhà nước của nhân dân Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, nhà nước của nhân dân là nhà nước mà tất cả mọi quyền lực trong nhà nước và trong xã hội đều thuộc về nhân dân. Người khẳng định: “Trong Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa của chúng ta, tất cả mọi quyền lực đều là của nhân dân”. Nhà nước của dân tức là “dân là chủ”. Nguyên lý “dân là chủ” khẳng định địa vị chủ thể tối cao của mọi quyền lực là nhân dân.

Trong Nhà nước dân chủ, nhân dân thực thi quyền lực thông qua hai hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp. Dân chủ trực tiếp là hình thức dân chủ trong đó nhân dân trực tiếp quyết định mọi vấn đề liên quan đến vận

mệnh của quốc gia, dân tộc và quyền lợi của dân chúng. Hồ Chí Minh luôn coi trọng hình thức dân chủ trực tiếp bởi đây là hình thức dân chủ hoàn bị nhất, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hành dân chủ trực tiếp.

Cùng với dân chủ trực tiếp, dân chủ gián tiếp hay dân chủ đại diện là hình thức dân chủ được sử dụng rộng rãi nhằm thực thi quyền lực của nhân dân. Đó là hình thức dân chủ mà trong đó nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua các đại diện mà họ lựa chọn, bầu ra và những thiết chế quyền lực mà họ lập nên. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong hình thức dân chủ gián tiếp:

Quyền lực nhà nước là “thừa ủy quyền” của nhân dân. Tự bản thân nhà nước không có quyền lực. Quyền lực của nhà nước là do nhân dân ủy thác do. Do vậy, các cơ quan quyền lực nhà nước cùng với đội ngũ cán bộ của nó đều là “công bộc” của nhân dân, nghĩa là “gánh vác việc chung cho dân, chứ không phải để đè đầu dân”. Ở đây, Hồ Chí Minh đã xác định rõ vị thế và mối quan hệ giữa nhân dân với cán bộ nhà nước trên cơ sở nhân dân là chủ thể nắm giữ mọi quyền lực. Theo Hồ Chí Minh: “Dân làm chủ thì Chủ tịch, Bộ trưởng, thứ trưởng, uỷ viên này uỷ viên khác là làm gì? Làm đầy tớ. Làm đầy tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng”; “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ. Trong bộ máy cách mạng, từ người quét nhà, nấu ăn cho đến Chủ tịch một nước đều là phân công làm đầy tớ cho dân”. Hồ Chí Minh kịch liệt phê phán những cán bộ nhà nước thoái hóa, biến chất, từ chỗ là công bộc của dân đã trở thành “quan cách mạng”, đứng trên nhân dân, coi khinh nhân dân, “cây thế” với dân, “quên rằng dân bầu mình ra là để làm việc cho dân”.

Nhân dân có quyền kiểm soát, phê bình nhà nước, có quyền bãi miễn những đại biểu mà họ đã lựa chọn, bầu ra và có quyền giải tán những thiết chế quyền lực mà họ đã lập nên. Đây là quan điểm rõ ràng, kiên quyết của Hồ Chí Minh nhằm đảm bảo cho mọi quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước, luôn nằm trong tay dân chúng. Một nhà nước thật sự của dân, theo Hồ Chí Minh, luôn “mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát và phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”; trong Nhà nước đó, “nhân dân có quyền bãi miễn đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân nếu những đại biểu ấy tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân”, thậm chí, “nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ”.

Luật pháp dân chủ và là công cụ quyền lực của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, sự khác biệt căn bản của luật pháp trong Nhà nước Việt Nam mới với luật pháp của các chế độ tư sản, phong kiến là ở chỗ nó phản ánh được ý nguyện và bảo vệ quyền lợi của dân chúng. Luật pháp đó là của nhân dân, là công cụ thực thi quyền lực của nhân dân, là phương tiện để kiểm soát quyền lực nhà nước.

Nhà nước do nhân dân Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nhà nước do nhân dân trước hết là nhà nước do nhân dân lập nên sau thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân dân “cử ra”, “tổ chức nên” nhà nước dựa trên nền tảng pháp lý của một chế độ dân chủ và theo các trình tự dân chủ với các quyền bầu cử, phúc quyết, v.v..

Nhà nước do nhân dân còn có nghĩa “dân làm chủ”. Người khẳng định rõ: “Nước ta là nước dân chủ, nghĩa là nước nhà do nhân dân làm chủ”. Nếu “dân là chủ” xác định vị thế của nhân dân đối với quyền lực nhà nước, thì “dân làm chủ” nhấn mạnh quyền lợi và nghĩa vụ của nhân dân với tư cách là người chủ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, “nhân dân có quyền lợi làm chủ, thì phải có nghĩa vụ làm tròn bốn phận công dân, giữ đúng đạo đức công dân”. Nhân dân làm chủ thì phải tuân theo pháp luật của Nhà nước, tuân theo kỷ luật lao động, giữ gìn trật tự chung, đóng góp (nộp thuế) đúng kỳ, đúng số để xây dựng lợi ích chung, hăng hái tham gia công việc chung, bảo vệ tài sản công cộng, bảo vệ Tổ quốc, v.v..

Trong nhà nước do nhân dân làm chủ, nhà nước phải tạo mọi điều kiện để nhân dân được thực thi những quyền mà Hiến pháp và pháp luật đã quy định, hưởng dụng đầy đủ quyền lợi và làm tròn nghĩa vụ làm chủ của mình. Người yêu cầu cán bộ, đảng viên phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân.

Nhà nước do nhân dân cần coi trọng việc giáo dục nhân dân, đồng thời nhân dân cũng phải tự giác phấn đấu để có đủ năng lực thực hiện quyền dân chủ của mình. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta là những người lao động làm chủ nước nhà. Muốn làm chủ được tốt, phải có năng lực làm chủ”. Không chỉ tuyên bố quyền làm chủ của nhân dân, cũng không chỉ đưa nhân dân tham gia công việc nhà nước, mà còn chuẩn bị và động viên nhân dân chuẩn bị tốt năng lực làm chủ, quan điểm đó thể hiện tư tưởng dân chủ triệt để của Hồ Chí Minh khi nói về nhà nước do nhân dân.

Nhà nước vì nhân dân Nhà nước vì dân là nhà nước phục vụ lợi ích và nguyện vọng của nhân dân, không có đặc quyền đặc lợi, thực sự trong sạch, cần kiệm liêm chính. Hồ Chí Minh là một vị Chủ tịch vì dân và Người yêu cầu các cơ quan nhà nước, các cán bộ nhà nước đều phải vì nhân dân phục vụ. Người nói: "Các công việc của Chính

phủ làm phải nhằm vào một mục đích duy nhất là mưu tự do hạnh phúc cho mọi người. Cho nên Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thấy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh". Theo Hồ Chí Minh, thước đo một Nhà nước vì dân là phải được lòng dân. Hồ Chí Minh đặt vấn đề với cán bộ Nhà nước phải "làm sao cho được lòng dân, dân tin, dân mến, dân yêu", đồng thời chỉ rõ: "muốn được dân yêu, muốn được lòng dân, trước hết phải yêu dân, phải đặt quyền lợi của dân trên hết thấy, phải có một tinh thần chí công vô tư". Trong Nhà nước vì dân, cán bộ vừa là đầy tớ, nhưng đồng thời phải vừa là người lãnh đạo nhân dân. Hai đòi hỏi này tưởng chừng như mâu thuẫn, nhưng đó là những phẩm chất cần có ở người cán bộ nhà nước vì dân. Là đầy tớ thì phải trung thành, tận tụy, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ. Là người lãnh đạo thì phải có trí tuệ hơn người, minh mẫn, sáng suốt, nhìn xa trông rộng, gần gũi nhân dân, trọng dụng hiền tài. Như vậy, để làm người thay mặt nhân dân phải gồm đủ cả đức và tài, phải vừa hiền lại vừa minh. Phải như thế thì mới có thể "chẳng những làm những việc trực tiếp có lợi cho dân, mà cũng có khi làm những việc mới xem qua như là hại đến dân", nhưng thực chất là vì lợi ích toàn cục, vì lợi ích lâu dài của nhân dân.

5 Tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc

5.1 Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

5.1.1 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc thể hiện ở các vấn đề chính sau:

Thứ nhất, đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng: Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đại đoàn kết toàn dân tộc không phải là sách lược hay thủ đoạn chính trị mà là chiến lược lâu dài, nhất quán của cách mạng Việt Nam.

Đây là vấn đề mang tính sống còn của dân tộc Việt Nam nên chiến lược này được duy trì cả trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong mỗi giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách và phương pháp tập hợp đại đoàn kết có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau song không bao giờ được thay đổi chủ trương đại đoàn kết toàn dân tộc, vì đó là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng.

Từ thực tiễn xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã khái quát thành nhiều luận điểm mang tính chân lý về vai trò và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc: “Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”, “Đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó khăn, giành lấy thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”, “Đoàn kết là sức mạnh, là then chốt của thành công” “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng, cũng là điểm mấu chốt. Điểm này mà thực hiện tốt thì đẻ ra con cháu đều tốt: Đó là đoàn kết”. Người đã đi đến kết luận:

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết
Thành công, thành công, đại thành công”

Thứ hai, đại đoàn kết toàn dân tộc là một mục tiêu, nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng Việt Nam: Đối với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là khẩu hiệu chiến lược mà còn là mục tiêu lâu dài của cách mạng. Đảng là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam nên tất yếu đại đoàn kết toàn dân tộc phải được xác định là nhiệm vụ hàng đầu của Đảng và nhiệm vụ này phải được quán triệt trong tất cả mọi lĩnh vực, từ đường lối, chủ trương, chính sách, tới hoạt động thực tiễn của Đảng. Trong lời kết thúc buổi ra mắt Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN D N, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

Tóm lại, đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu, nhiệm vụ của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam.

5.1.2 Trách nhiệm của sinh viên trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân.

Trước hết sinh viên cần nhận thức rõ về vai trò của đại đoàn kết dân tộc, quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc, từ đó ý thức được trách nhiệm của bản thân trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, phát huy tính năng động của bản thân, tinh thần tự lực tự cường, vượt qua mọi thách thức.

Sinh viên cũng cần hiểu được về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc gắn với thực hiện Chỉ thị số 05- CT/TW của Bộ chính trị về “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Đại đoàn kết là sự nghiệp của cả dân tộc, của cả hệ thống chính trị mà hạt nhân lãnh đạo là Đảng Cộng sản Việt Nam, được thực hiện bằng nhiều hình thức; trong đó chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước có ý nghĩa quan trọng hàng đầu.

Sinh viên cần gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân: tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân trên địa bàn thực hiện tốt chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước; bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công dân, phát huy dân chủ, giữ gìn kỷ cương, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Trong đời sống, sinh viên cần tích cực tham gia các tổ chức chính trị xã hội nhằm tuyên truyền cho mọi người về tư tưởng đại đoàn kết toàn dân (mặt trận tổ quốc Việt Nam, Hội sinh viên , Đoàn thanh niên...)

6 Nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

6.1 Phân tích nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng và liên hệ với việc rèn luyện đạo đức của sinh viên hiện nay.

6.1.1 Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò đạo đức của con người “Thiếu một đức thì không thành người”, “có tài mà không có đức thì là người vô dụng”. Song song với việc học tập rèn luyện, Người luôn nhắc nhở ta phải chú ý tu dưỡng đạo đức bản thân. Theo Hồ Chí Minh muốn thực hiện thành công sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa- cuộc cách mạng sâu sắc nhất triệt để nhất toàn diện nhất chúng ta phải đem hết tinh thần và lực lượng ra phấn đấu, phải tu dưỡng rèn luyện đạo đức cách mạng.

Nói phải đi đôi với làm, nêu gương đạo đức cá nhân Hồ Chí Minh coi nguyên tắc nói đi đôi với làm là nguyên tắc quan trọng bậc nhất trong xây dựng nền đạo đức mới. Nguyên tắc cơ bản này là sự thống nhất giữa lý luận thực tiễn, nó đã trở thành phương pháp luận trong cuộc sống là nền tảng triết lý sống của Người.

Hồ Chí Minh đề cao việc nêu gương đạo đức. Sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong lời nói và việc làm không chỉ là cách thức để giáo dục đạo đức cho quần chúng mà còn là một phương pháp để tự giáo dục bản thân.

Như vậy, một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một nền tảng rộng lớn, vững chắc, khi những chuẩn mực đạo đức trở thành hành vi đạo đức hằng ngày của mỗi người và của toàn xã hội, mà những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình đó.

Xây đi đôi với chống Hồ Chí Minh cho rằng, đây là đòi hỏi của nền đạo đức mới thể hiện tính nhân đạo chiến đấu vì mục tiêu của sự nghiệp cách mạng: Xây tức là xây dựng, bồi dưỡng các giá trị, các chuẩn mực đạo đức mới; Chống là chống các biểu hiện, hành vi vô đạo đức, suy thoái đạo đức.

Theo Người, xây dựng nền đạo đức mới phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, những chuẩn mực xã hội, nhất là trong những tập thể - nơi mà phần lớn thời gian mỗi con người gắn bó bằng hoạt động thực tiễn của mình.

Việc giáo dục đạo đức phải được tiến hành phù hợp với từng giai đoạn cách mạng cụ thể, phù hợp với từng lứa tuổi, ngành nghề, giai cấp, tầng lớp trong từng môi trường khác nhau. Khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mỗi người.

Để thực hiện xây và chống có hiệu quả, theo Hồ Chí Minh phải tuyên truyền, vận động hình thành phong trào quần chúng rộng rãi đấu tranh cho sự lành mạnh, trong sạch về đạo đức, thôi thúc trách nhiệm đạo đức cá nhân để mọi người phấn đấu tự bồi dưỡng và nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng; phải chú trọng kết hợp giáo dục đạo đức với tăng cường tính nghiêm minh của pháp luật.

Tu dưỡng đạo đức suốt đời Theo Người, đó là một quá trình gian khổ, trường kỳ. Một nền đạo đức mới chỉ có thể được xây dựng dựa trên cơ sở tự giác tu dưỡng đạo đức của mỗi người thông qua các hoạt động thực tiễn: Nhìn thẳng vào mình, không tự lừa dối, huỷ hoại; thấy rõ điểm chưa tốt của mình để khắc phục; kiên trì, tu dưỡng suốt đời.

Người nhấn mạnh mỗi người cần thường xuyên được giáo dục và tự giáo dục về mặt đạo đức. Mỗi người cần luôn bền bỉ, cố gắng. Có rèn luyện như vậy, con người mới có được những phẩm chất tốt đẹp và những phẩm chất ấy ngày được bồi đắp, nâng cao.

6.1.2 Liên hệ với việc rèn luyện đạo đức của sinh viên hiện nay

Đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức cách mạng, nêu cao chủ nghĩa tập thể, tiêu diệt chủ nghĩa cá nhân. Để thích ứng với nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, một nền đạo đức mới đã và đang hình thành. Đó là nền đạo đức vừa phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc như yêu nước, thương người, sống nghĩa tình trọn vẹn, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư với những yêu cầu mới, những nội dung mới. Do đòi hỏi của dân tộc và thời đại, nhờ đó phần lớn sinh viên vẫn giữ được lối sống tình nghĩa, trong sạch, lành mạnh, khiêm tốn, luôn cần cù và sáng tạo trong học tập, sống có bản lĩnh, có chí lập thân, lập nghiệp, năng động nhạy bén, dám đối mặt với những khó khăn thách thức.

Bên cạnh đó do ảnh hưởng của nền kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế, do sự bùng phát của lối sống thực dụng, chạy theo danh lợi, bất chấp đạo lý đã dẫn đến những tiêu cực trong xã hội như đã có một bộ phận thanh niên, trong đó có không ít sinh viên phai nhạt niềm tin, lý tưởng, mất phương hướng phấn đấu, không có chí lập

thân, lập nghiệp; chạy theo lối sống thực dụng, sống thử, sống dựa dẫm, thiếu trách nhiệm, thờ ơ với gia đình và xã hội, sa vào nghiện ngập, hút sách, thiếu trung thực, gian lận trong thi cử, chạy điểm, chạy thầy, chạy trường, mua bằng cấp. Đây là những thách thức rất lớn, làm cản trở thanh niên phát triển bản thân, phát triển đất nước.

Sinh viên là thế hệ tương lai của đất nước, chúng ta không chỉ luôn cố gắng nỗ lực trong học tập, sáng tạo tìm tòi cái mới mà song song với đó cần luôn luôn tu dưỡng đạo đức bản thân. Muốn vậy, ta cần phải: thấm nhuần tư tưởng đạo đức HCM thông qua các bài học trên lớp, các phương tiện truyền thông. Dành thời gian thỏa đáng để tìm hiểu đạo đức, tư tưởng HCM về tinh thần, trách nhiệm, nói đi đôi với làm; thực hành tư tưởng đạo đức HCM, tự soi mình, sửa mình, rèn luyện các phẩm chất đạo đức; tích cực tham gia các phong trào của Đoàn TN, Hội SV, phấn đấu rèn luyện đạt danh hiệu SV5T, phấn đấu trở thành tấm gương sáng về tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, nói đi đôi với làm, xây đi đôi với chống; tu dưỡng đạo đức suốt đời, không chỉ giới hạn trong một giai đoạn của cuộc đời, rèn luyện đạo đức hàng ngày và trong mọi hoạt động thực tiễn của bản thân bởi lẽ phải đấu tranh rèn luyện bền bỉ thì mới thành được.

7 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

7.1 Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa. Liên hệ vai trò của văn hóa với sự phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay ?

7.1.1 Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

Văn hóa là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng. Mục tiêu của Hồ Chí Minh về văn hóa cũng giống như mục tiêu của chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng giống như mục tiêu của toàn thể dân tộc Việt Nam: Đó là độc lập dân tộc và CNXH. Tuy nhiên trên lĩnh vực văn hóa, cụ thể hóa ra thành:

- Quyền được sống, quyền sung sướng, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.
- Đó là khát vọng của nhân dân về các giá trị: Chân, thiện, mỹ
- Đó là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, ai cũng có cơm ăn, áo mặc, . .
- Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Động lực: Văn hóa là động lực cho sự thúc đẩy của kinh tế, chính trị và xã hội. Ở góc độ:

- Văn hóa chính trị: Soi đường, mở đường cho quốc dân đi, lãnh đạo nhân dân thực hiện độc lập, tự chủ.
- Văn hóa văn nghệ: góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng.
- Văn hóa giáo dục: Diệt giặc đói, xóa mù chữ, giúp con người hiểu được các quy luật của xã hội.
- Văn hóa đạo đức, lối sống: Nâng cao phẩm chất, phong cách lành mạnh hướng đến chân, thiện, mỹ.

Văn hóa là một mặt trận. Mặt trận văn hóa là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hóa.

Đấu tranh trên các lĩnh vực: tư tưởng, đạo đức, lối sống, . . của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị Chân, Thiện, Mỹ.

Anh em nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận - có nhiệm vụ phụng sự tổ quốc và nhân dân.

Văn hóa phục vụ quần chúng nhân dân Mọi hoạt động của văn hóa phải trở về cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh tư tưởng và khát vọng của quần chúng,

Văn hóa phải miêu tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn. Phải trả lời được câu hỏi. Viết cho ai? Viết vì mục đích gì? Viết như thế nào?

Viết phải thiết thực, tránh cái lối rau muống. Nói ít, nói cho chắc chắn, thấm thía. . .

7.1.2 Liên hệ: Vai trò của văn hóa với sự phát triển bền vững của Việt Nam hiện nay:

- Văn hóa giữ vị trí đặc biệt và vai trò quan trọng trong sự điều tiết, vận động mọi mặt của xã hội; là động lực trực tiếp thúc đẩy sự phát triển bền vững kinh tế - xã hội; kích thích sự sáng tạo và đánh thức những năng lực tiềm ẩn của con người. Nhân tố văn hóa không nằm ngoài kinh tế - xã hội hay chính trị, đồng thời là một bộ phận thiết yếu trong đường lối quân sự của chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Tóm lại, văn hóa có mặt và giữ vị trí trọng yếu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.
- Trong điều kiện hiện nay, văn hóa thâm vào mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là những người đang giữ vai trò trong sáng tạo khoa học; vào lĩnh vực chính trị với tư cách là văn hóa chính trị; vào kinh tế với tư cách là văn hóa kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp; vào tổ chức, quản trị và điều hành đất nước...
- Văn hóa là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển. Tác nhân văn hóa trong kinh tế làm cho kinh tế trở thành văn hóa kinh tế. Kinh tế được bảo đảm bởi văn hóa sẽ là kinh tế phát triển, cả trình độ và chất lượng, theo tính nhân văn, vì con người, phục vụ lợi ích của con người, của cộng đồng.
- Văn hóa thúc đẩy vai trò của chính trị. Chính trị được bảo đảm bởi văn hóa, văn hóa chứ không đơn thuần là học vắn, sẽ là một nền chính trị nhân văn, vì con người.
- Văn hóa giáo dục góp phần nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân, giúp cho đất nước phát triển, sánh vai với các cường quốc năm châu.